

Bản án số : 47/2024/KDTM-ST

Ngày: 25-7-2024

V/v tranh chấp hợp  
đồng cung ứng dịch vụ

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đông Thiên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Hòa  
2. Bà Nguyễn Thị Vân
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm - Thư ký TANDTPQN
- Đại diện VKSND TPQN: Bà Trần Thanh Trang - KSV

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 08/2023/TLST- KDTM ngày 23.02.2023 về việc “ tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ ”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXX-ST ngày 11.8.2023, giữa:

Nguyên ãn: Công ty Cổ phần C2

Địa chỉ: B P, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng Q – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Gia H1 - nhân viên pháp chế

Ông Lê Văn N – phó phòng kế toán

(Văn bản ủy quyền số 1715/GUQ-QNP ngày 08.12.2022)

Bò ãn : Công ty TNHH N1

Địa chỉ : thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Duy Á - giám đốc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Tường M

Địa chỉ : thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28.11.2022 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn Ông **Võ Gia H1** trình bày:*

**Công ty Cổ phần C2** (gọi tắt **Cảng Q**) và **Doanh nghiệp tư nhân Q1** - hiện nay **Công ty TNHH N1** (gọi tắt **C3**) có ký HĐKT số 95/BSQT-2A/2016/01 ngày 02.01.2016 về việc cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng thức ăn gia súc bao. Trong quá trình thực hiện HĐKT 2 bên có ký các phụ lục HĐ số 95/BSQT-2A/2016/01/PL1 ngày 01.8.2016, HĐ số 95/BSQT- 016/01/PL2 ngày 01.9.2016, HĐ số 95/BSQT-2A/2016/01/PL3 ngày 27.9.2016.

Quá trình thực hiện HĐKT **C2** đã hoàn thành dịch vụ và đã xuất 12 hoá đơn GTGT; căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 10.7.2017 được 2 bên thống nhất số tiền còn nợ 75.059.515đ; **Cảng Q** đã đòi nợ nhiều lần vào các ngày 26.9.2017, 30.11.2018 và ngày 07.4.2021 nhưng **Doanh nghiệp tư nhân Q1** (hiện nay **Công ty N1**) không thanh toán.

Nay **Cảng Q** yêu cầu **C3** trả số tiền nợ 75.059.515đ, không yêu cầu gì khác

\* Bò nôn Ông **Đỗ Duy Á** - đại diện theo pháp luật **C3** không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tổng đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Tường M** không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai không được, xác minh tại địa phương, tổng đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến đại diện VKSNDTPQN tham dự phiên Tòa phát biểu:*

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

*Ý kiến về nội dung vụ án:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Cảng Q** về việc yêu cầu **C3** trả số tiền 75.059.515đ. Án phí theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, **H2** đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về quan hệ pháp luật:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; tại thời điểm thụ lý căn cứ Điều 30 BLTTDS-



2015; chương III Luật thương mại, xaùc ñình quan heä phaùp luaät tranh chấp “  
Hợp ñồng cung ứng dịch vụ”

*[2] Về tố tụng:*

Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã tổng ñạt thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, lấy lời khai không ñược của C3, chị M; xác minh tại ñịa phương và thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử cho C3, chị M nhưng C3, chị M ñều không ñến Tòa làm việc. ðây là trường hợp bị ñơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Theo quy ñịnh tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn ñưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

*[3] Về tư cách ñương sự:*

Giữa Cảng Q và DNTN nông sản Q1 mà ñại diện bà Nguyễn Thị Tường M có ký hợp ñồng kinh tế số 95/NSQT-2A/2016/01 ngày 02.01.2016 về việc cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng thức ăn gia súc bao và các phụ lục HĐ nhưng trên ñơn khởi kiện Cảng Q ghi bị ñơn: Công ty TNHH N1 (trước ñây DNTN nông sản Q1). Theo Công văn số 1301/SKHĐT-ĐKKD ngày 29.5.2023 của Sở kế hoạch và ñầu tư tỉnh Đ: Công ty TNHH N1 là doanh nghiệp ñược chuyển ñổi từ DNTN nông sản Q1 nên Công ty TNHH N1 với tư cách là bị ñơn, chị Nguyễn Thị Tường M với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

*- Về nội dung:*

*[4] ðối yêu cầu của nguyên ñơn:*

Cảng Q và Doanh nghiệp tư nhân Q1 (hiện nay C3) có ký HĐKT số 95/BSQT-2A/2016/01 ngày 02.01.2016 về việc cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng thức ăn gia súc bao. Trong quá trình thực hiện HĐKT 2 bên có ký các phụ lục HĐ số 95/BSQT-2A/2016/01/PL1 ngày 01.8.2016, HĐ số 95/BSQT- 016/01/PL2 ngày 01.9.2016, HĐ số 95/BSQT-2A/2016/01/PL3 ngày 27.9.2016. Căn cứ biên bản ñối chiếu công nợ ngày 10.7.2017 ñược 2 bên thống nhất số tiền còn nợ 75.059.515đ; nay Cảng Q yêu cầu C3 trả số tiền 75.059.515đ. còn C3 không ñến Tòa làm việc trong quá trình giải quyết vụ án.

*Toà xét:*

C3 (trước ñây DNTN nông sản Q1) thực tế có ký HĐKT với Cảng Q về việc cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng thức ăn gia súc bao. Cảng Q ñã hoàn thành dịch vụ và ñã xuất 12 hoá ñơn GTGT; giữa 2 bên ñã có ñối chiếu công nợ ngày 10.7.2017 ñược 2 bên thống nhất số tiền còn nợ 75.059.515đ nên yêu cầu của nguyên ñơn ñòi nợ là có căn cứ và ñúng pháp luật; ñây là cơ sở ñể HĐXX xem xét.

Xét thấy, thời gian ký kết hợp ñồng ngày 02.01.2016, thời gian ký các phụ lục HĐ ngày 01.8.2016, ngày 01.9.2016, ngày 27.9.2016 mà chủ thể là Doanh nghiệp tư nhân Q1 cụ thể chị M là người ñại diện. Tại biên bản ñối chiếu công nợ ngày 10.7.2017 cũng chị M ký. Theo tài liệu của Sở kế hoạch ñầu tư tỉnh Đ cung cấp Doanh nghiệp tư nhân Q1 chuyển thành Công ty TNHH N1 vào ngày 28.11.2017

tức sau ngày ký biên bản đối chiếu công nợ ngày 10.7.2017; bên cạnh đó khi tiến hành chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân sang Công ty TNHH N1 có làm giấy cam kết trách nhiệm cá nhân chị M gửi phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28.11.2017 thể hiện *Tôi xin chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của Doanh nghiệp tư nhân Q1 và thanh toán đầy đủ các khoản nợ khi đến hạn (nếu có phát sinh) và căn cứ điểm c khoản 1 điều 199 Luật doanh nghiệp năm 2014 (tương ứng điểm b khoản 1 điều 205 Luật doanh nghiệp năm 2020) quy định Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; khoản 3 điều 199 Luật doanh nghiệp năm 2014 ( tương ứng khoản 3 điều 205 Luật doanh nghiệp năm 2020) quy định Công ty được chuyển đổi đương nhiên kế thừa quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp tư nhân K từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp tư nhân chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ phát sinh trước ngày công ty được chuyển đổi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.* Ngoài ra, giữa Cảng Q với C3 không có văn bản thoả thuận về khoản nợ trên từ năm 2017 đến ngày khởi kiện. Vì vậy trách nhiệm trả nợ cho C1 Quy Nhơn là chị M phù hợp theo quy định pháp luật.

Tại phiên Toà, HĐXX đã giải thích trách nhiệm trả nợ của Doanh nghiệp tư nhân Q1; quá trình chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân sang Công ty TNHH N1, khoản nợ trước và sau khi chuyển đổi; quy định pháp luật trong trường hợp chuyển nợ khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; nhưng đại diện theo uỷ quyền của Cảng Q vẫn khẳng định giữ nguyên yêu cầu chỉ khởi kiện Công ty TNHH N1 dù người đại diện theo pháp luật là ai, không yêu cầu chị M trả nợ vì Doanh nghiệp tư nhân Q1 đã không còn. Nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Cảng Q.

- Ý kiến của đại diện VKSNDTPQN tham dự phiên Tòa phát biểu về nội dung vụ án phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm : Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Cảng Q phải chịu: 3.753.000đ

*Vì caùc leõ trên*

**QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự - 2015

Căn cứ Điều 74, Điều 75, khoản 1 Điều 85 Luật thương mại - 2005

Căn cứ Điều 199 Luật doanh nghiệp năm 2014

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí T1 án

**Tuyên xử :**

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C2 vì không phù hợp theo quy định pháp luật.

2. Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty Cổ phần C2 phải chịu: 3.753.000đ nhưng được trừ 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003338 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, nên Công ty Cổ phần C2 còn phải nộp 753.000đ .

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thu hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong , tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Quy Nhơn
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đông Thiên**